TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-11-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Sợi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Dũng

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2018/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐST–HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị L. ĐKHKTT: Số 280 T, phường N, Quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 2/280B H, phường N, Quận L, Hải Phòng, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức T. ĐKHKTT: Tổ dân phố B, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở: Số 2/280B H, phường N, Quận L, Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị L và anh Lê Đức T lấy nhau do hai bên tự nguyện từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Hải Phòng. Đến nay vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Hải H, sinh ngày 28-8-2000 và Lê Đức T, sinh ngày 30-9-2009.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về quan điểm nuôi dạy con cái,

không tin tưởng nhau về mọi mặt nên ngày càng lạnh nhạt. Cũng từ năm 2013 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Do con lớn là Lê Thị Hải H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L đề nghị được nuôi con nhỏ là Lê Đức T đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Đức T trình bày: Anh T nhất trí với trình bày của chị L về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn, về con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận nhưng từ năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T phát hiện chị L có quan hệ với người đàn ông khác. Cũng từ đó hai bên sống ly thân, không liên quan đến nhau về mọi mặt. Nay chị L có đơn xin ly hôn thì anh T không muốn bố con ly tán nên không đồng ý ly hôn.Về con chung: Nếu ly hôn anh cũng xin được nuôi con Lê Đức T sinh ngày 30-9-2009 đến khi thành niên và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng, thẩm phán và các thành viên khác của Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn anh T không đồng ý. Nhưng xét thấy giữa chị L và anh T tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Đức T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con lớn Lê Thị Hải H, sinh ngày 28-8-2000 đã thành niên nên không xem xét giải quyết; còn con nhỏ Lê Đức T, hiện tại cả chị L và anh T đều xin được nuôi con. Nhưng xét chị L có điều kiện tốt hơn và cháu T có ý kiến được ở với mẹ nên căn cứ vào Điều 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con Lê Đức T, sinh ngày 30-9-2009 cho chị L được nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận.Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Chị Bùi Thị L và anh Lê Đức T kết hôn từ năm 1999, do hai bên tự quyết định, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nên là hôn nhân hợp pháp.

[2] Quá trình chung sống, cả hai bên đều khai nhận vợ chồng hoà thuận đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Cũng từ đó hai bên đã sống ly thân nhau về mọi mặt, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn anh T không đồng ý.Tòa án đã hòa giải nhưng cả hai không thay đổi, không ai nói chuyện với ai.

[3] Qua đó cho thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu và xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Đức T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Hải H, sinh ngày 28-8-2000 và Lê Đức T, sinh ngày 30-9-2009. Do con lớn là Lê Thị Hải Hà đã thành niên nên không xét giải quyết. Ly hôn cả hai đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy chị L có điều kiện tốt hơn và cháu T có ý kiến được ở với mẹ. Do vậy căn cứ vào Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con Lê Đức Trung, sinh ngày 30-9-2009 cho chị L được trực tiếpnuôi. Việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận.

[5] Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào các Điều 28, 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Đức T.

- Về con chung: Xử giao con Lê Đức T, sinh ngày 30-9-2009 cho chị L được trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị L đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân theo biên lai thu tiền số 0012712 ngày 17-8-2018.

Hai bên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Lê Chân;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA DS Q.Lê Chân:
- UBND p.Niệm Nghĩa,LC,HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Sợi